

Bản án số: 119/2019/DS-PT

Ngày: 12/9/2019

V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Khải

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến

Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Nguyễn Thị Phương Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2019/TLPT-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã NB, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 187/2019/QĐPT- DS, ngày 23 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn:

- Ông Phạm Văn V; Địa chỉ: ấp Ba Ngàn, xã Đại Thành, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Nguyễn Thị N; Địa chỉ: ấp Ba Ngàn, xã Đại Thành, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang.

- Ông Phạm Út M; Địa chỉ: ấp Ba Ngàn, xã Đại Thành, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Nguyễn Kiều O; Địa chỉ: ấp Ba Ngàn, xã Đại Thành, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Phạm Văn C; địa chỉ: ấp Ba Ngàn, xã Đại Thành, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn:

- Ông Đoàn Văn T; Địa chỉ: ấp Ba Ngàn, xã Đại Thành, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Đinh Thị D; Địa chỉ: ấp Ba Ngàn, xã Đại Thành, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn V Nam; Địa chỉ: Số 18, đường Trần Hữu Dực, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hải. Chức vụ: Phó Giám đốc chi nhánh thị xã NB.

- Ủy ban nhân dân thị xã NB; Địa chỉ: khu hành chính thị xã NB, tỉnh Hậu Giang.

4. Người kháng cáo: Các nguyên đơn ông Phạm Văn V, Nguyễn Thị N, Phạm Út M, Nguyễn Kiều O; bị đơn ông Đoàn Văn T, Đinh Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc đất của hộ ông Phạm Văn V do ông Phạm Văn V và bà Nguyễn Thị N khai phá vào năm nào không nhớ, diện tích 17.935m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN-0246, ngày 10/12/2001 gồm các thửa 58, 70, 223, 224. Khoảng năm 1984 -1985 ông Phạm Văn V là tập đoàn trưởng ấp Ba Ngàn A, xã Đại Thành để thực hiện chỉ thị của cấp trên lấy một phần đất diện tích khoảng 1.500m² nhập vào tập đoàn và ông V lấy phần đất đó cho ông Đoàn Văn Ng (chết) con ông Đoàn Văn B (chết) và ông Ng là anh ruột của ông Đoàn Văn T mượn. Khi ông Ng và ông B canh tác thì hộ ông V có đòi nhiều lần nhưng không trả. Hiện phần đất trên ông T bà D đang quản lý sử dụng. Lúc cho mượn không thỏa thuận thời hạn trả, từ khi cho mượn đến nay không thu hoa lợi hay lợi tức trên phần đất của ông T, bà D. Mục đích cho mượn là để liên canh liên cư theo chỉ thị của cấp trên. Đến tháng 7/2013 ông T và bà D lấn thêm phần đất của hộ ông V khoảng 500m² giáp ranh với phần đất cho mượn phần đất trên trước đây hộ ông V sử dụng từ năm 1992 đến 2013 dùng để trồng mía. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông V không vay ngân hàng.

Nguyên đơn yêu cầu ông T, bà D trả lại phần đất tranh chấp tổng diện tích: 1.782,7m², trong đó: diện tích lấn 341.3m² và diện tích chiếm (đất cho mượn) 1.441,4m² theo mảnh trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thị xã NB lập ngày 17/4/2018.

Bị đơn ông Đoàn Văn T trình bày: Ông T là con ông Đoàn Văn B (chết 2016), là em ruột của ông Đoàn Văn Ng (chết 1996). Nguồn gốc đất ông T đang canh tác là của ông B khai phá trước năm 1956 và thời gian đầu cho anh Đoàn Văn Ng (chết 1996) canh tác, do ông B đông con nên ông Ng trả lại đất vào năm 1986; do ông T sống chung ông B cùng canh tác từ năm 1986 đến năm 2002 ông B cho vợ chồng ông T, bà D phần đất gồm 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H-00902 thửa 919 diện tích 1.840,6m², H-00901 thửa 81 diện tích 182m², H-0093 diện tích 1.103m², thửa 80 H-00900, thửa 74, diện tích 8.328m² do Ủy ban nhân dân thị xã NB cấp ngày 23/7/2007 cấp cho ông Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D và trên phần đất đã trồng cây trái như Cam, Chanh, Bưởi, Sầu riêng, Chàm. Phần đất tranh chấp trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ khi canh tác từ năm 1986 đến trước năm 2015 hộ ông V không ngăn cản và không nghe nhắc đến việc ông V cho gia đình ông mượn phần đất trên và cũng không nghe nói phần đất trên được tập đoàn cấp. Đối với phần đất lấn 341.3m² hộ ông V cho rằng đã sử dụng từ năm 1992 và đến năm 2013 thì ông lấn là không có. Phần đất trên trước đây là lung bào gia đình ông sử dụng đến năm 2013 có vét lại và lên líp trong quá trình đào vét ông C là con ông V có ra cắm ranh. Đến năm 2015 đoàn đo đạc tổng thể để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và lúc đó ông V mới phát hiện phần đất ông hiện sử dụng hộ ông V đứng tên trên bản đồ địa chính. Hiện tại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và bà D đã vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh NB với số tiền 200.000.000 đồng.

Bà Đinh Thị D trình bày: Bà là vợ ông Đoàn Văn T bà thống nhất với lời trình bày của ông T. Bà không đồng ý trả lại phần đất lấn và phần đất chiếm tổng diện tích 1.782,7m² theo yêu cầu khởi kiện hộ ông V và yêu cầu được tiếp tục ổn định sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng Agribank bà Nguyễn Thị Hải trình bày: Vào năm 2015 Ngân hàng có cho hộ ông T và bà D vay với số tiền 200.000.000 đồng, trong quá trình vay hộ ông T, bà D thực hiện tốt nghĩa vụ trả nợ. Nay các bên phát sinh tranh chấp Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân thị xã NB đại diện theo ủy quyền bà Trịnh Thị Ngọc Dtrình bày: Qua kiểm tra bản đồ địa chính và sổ mục kê xã Đại Thành, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Cần Thơ lập ngày 01/11/2001 thì phần đất có diện tích 1.441,4m² thuộc thửa số 68, loại đất Hb, tên chủ sử dụng: Phạm Văn V và phần đất có diện tích lấn 370,1m², thuộc thửa số 69, loại đất V, tên chủ sử dụng Phạm Văn V.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã NB, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O. Buộc các bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D trả cho ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O phần đất có tổng diện tích 341.3m² tọa lạc

tại ấp Ba Ngàn, xã Đại Thành, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang (Có lược đồ kèm theo).

- Buộc các nguyên đơn ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O có trách nhiệm trả lại cho các bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D giá trị cây trồng gồm: Cam Sành loại A: 30 cây, loại B: 08 cây, Cam giâm (2015): 1000 cây; Tràm loại A: 06 cây; Chanh không hạt loại A: 01 cây; Bưởi năm roi loại A: 02 cây, tổng giá trị là 84.400.000đ (Tám mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O về việc đòi các bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D trả phần đất diện tích chiếm (đất cho mượn) 1.441,4m². (Có lược đồ kèm theo).

- Không chấp nhận ý kiến trình bày của các nguyên đơn cho rằng thửa đất tranh chấp có tổng diện tích: 1.782,7m², trong đó: diện tích lần 341.3m² và diện tích chiếm (đất cho mượn) 1.441,4m² nằm tại thửa 58, tờ bản đồ số 8, loại đất 2L thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN0246.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/12/2018, ông Phạm Văn V, Nguyễn Thị N, Phạm Út M, Nguyễn Kiều O có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: yêu cầu bị đơn giao trả phần đất cho mượn 1.782,7m² và yêu cầu không bồi thường cây trái cho bị đơn số tiền 80.000.000 đồng và bị đơn được quyền nhận lại số cây trồng trên đất lần chiếm.

Ngày 11/10/2018, ông Đoàn Văn T, bà Đinh Thị D có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu tiếp tục ổn định sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều giữ nguyên yêu cầu giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu ý kiến: Từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung đề Ng Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần giá trị cây trồng và sửa về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với phần đất có diện tích 1.441,4m²

Xét về nguồn gốc đất: Nguyên đơn cho rằng phần đất này là của gia đình nguyên đơn, ông Phạm Văn V là Tập đoàn trưởng ấp Ba Ngàn, xã Đại Thành,

khi thực hiện chính sách trang trải đất đai vào năm 1986, chế độ liên canh liền cư nên ông đã lấy phần đất trên để nhập vào hợp tác xã rồi cho gia đình bị đơn mượn, bị đơn thì cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là do cha ông khai phá từ năm 1956 sau đó cho lại cho ông. Phần đất này hiện tại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do ông Phạm Văn V đứng tên trên sổ mục kê, sổ địa chính. Mặc dù, các đương sự khai không thống nhất về nguồn gốc đất nhưng các bên đều thống nhất phần đất tranh chấp có diện tích 1.441,4m² đã được bị đơn sử dụng liên tục trên 30 năm, nguyên đơn cho rằng đất cho bị đơn mượn nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2] Đối với phần đất có diện tích 341,3m²

Xét về nguồn gốc đất: Nguyên đơn cho rằng phần đất này nằm trong thửa 58, tờ bản đồ số 8 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN0278 cấp ngày 10/12/2004 cho hộ ông Phạm Văn V. Tuy nhiên, qua xác định của cơ quan chuyên môn cũng như theo văn bản số 1071/UBND-TCD ngày 22/10/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã NB xác định phần đất 341,3m² thuộc thửa đất số 69 do ông Phạm Văn V đứng tên trên sổ mục kê, sổ địa chính, phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn cho rằng, nguyên đơn đã sử dụng đất từ năm 1992 đến năm 2013 để trồng mía nhưng không được bị đơn thừa nhận; Nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, giấy tờ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Còn bị đơn cho rằng phần đất này ông Đoàn Văn B đã sử dụng từ năm 1986, đến năm 2002 thì cho lại bị đơn canh tác, ban đầu phần đất này là lung bào, sau đó vét lại và lên líp trồng cây từ năm 2004 đến năm 2013 mới phát sinh tranh chấp; Bị đơn cũng không đưa ra được tài liệu, giấy tờ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự khai không thống nhất về thời gian sử dụng đất nên lời trình bày của các bên chưa đủ cơ sở để xem xét; Do đó Hội đồng xét xử đối chiếu với các chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ để làm căn cứ giải quyết. Xét quá trình sử dụng và canh tác đất thì vào năm 2001 ông B (cha bị đơn) đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không kê khai đối với phần đất này; Trong khi đó phần tranh chấp do ông Phạm Văn V đứng tên trên sổ mục kê, sổ địa chính. Căn cứ vào giấy tờ quyền sử dụng đất thì ông V là người đủ điều kiện công nhận phần đất vào thời điểm đứng tên; Do đó, yêu cầu của ông V đối với phần đất có diện tích 341,3m², được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[3] Đối với phần cây trồng trên diện tích 341,3m²: Ngoài phần cây là cam giâm không thể di dời được có giá trị 24.400.000 đồng theo biên bản định giá; Cấp sơ thẩm giao cho nguyên đơn và buộc bị đơn trả giá trị là có căn cứ. Tuy nhiên, đối với các cây cam giâm có số lượng 1.000 cây; Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận số lượng còn lại khoảng 50% cam giâm còn sử dụng được, số cam này bị đơn giâm để bán, không phải là loại cây trồng ăn trái nên di dời được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bị đơn di dời, không phải buộc nguyên đơn bồi thường giá trị cây cam giâm như cấp sơ thẩm đã tuyên.

[3] Về phần án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 27 Ng quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, cấp sơ thẩm tính án phí có giá ngạch là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử có sự điều chỉnh lại.

Từ những nhận định nêu trên, đồng quan điểm với Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 100 Luật đất đai năm 2013; Ng quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1/ Công nhận phần đất có tổng diện tích 341,3m² tại vị trí số II (diện tích 143,9m²), số III (diện tích 197,4m²) theo Mạnh trích đo địa chính ngày 17/4/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã NB, tỉnh Hậu Giang; Đất tọa lạc tại ấp Ba Ngàn, xã Đại Thành, thị xã NB, tỉnh Hậu Giang cho ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O. Buộc các bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D giao trả phần đất có diện tích nêu trên cho các nguyên đơn.

(Có lược đồ kèm theo)

2/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O về việc đòi các bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D trả phần đất chiếm (đất cho mượn) diện tích 1.441,4m² tại vị trí số IV (diện tích 1326,4m²), số V (diện tích 115,0m²) theo Mạnh trích đo địa chính ngày 17/4/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã NB, tỉnh Hậu Giang;

3/ Buộc ông Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D có trách nhiệm di dời toàn bộ số cam giâm để giao trả đất lại cho các nguyên đơn. Ngoài số cam giâm thì các nguyên đơn ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O được quyền sử dụng và định đoạt toàn bộ số cây trồng gồm: Cam Sành loại A: 30 cây, loại B: 08 cây; Tràm loại A: 06 cây; Chanh không hạt loại A: 01 cây; Bưởi năm roi loại A: 02 cây.

4/ Buộc các nguyên đơn ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O có trách nhiệm trả lại cho các bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D một phần giá trị cây trồng theo biên bản định giá ngày 17/9/2018 của Hội đồng định giá thị xã NB là 24.400.000 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho các nguyên đơn do thuộc diện hộ nghèo. Các nguyên đơn ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O được nhận lại 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0014996 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NB, tỉnh Hậu Giang.

- Buộc các bị đơn Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NB, tỉnh Hậu Giang.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

- Các nguyên đơn ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0019018 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NB tỉnh Hậu Giang.

- Các bị đơn Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0019026 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NB tỉnh Hậu Giang.

5/ Lệ phí đo đạc, thẩm định, bản vẽ kỹ thuật, định giá, trích lục hồ sơ:

- Các nguyên đơn ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O phải chịu 7.415.520 đồng (Bảy triệu bốn trăm mười lăm ngàn năm trăm hai chục đồng), các nguyên đơn đã thực hiện xong.

- Các bị đơn ông Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ông Đoàn Văn T và bà Đinh Thị D phải nộp để giao trả lại cho các nguyên đơn ông Phạm Văn V, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Út M, bà Nguyễn Kiều O.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 12/9/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TX. NB;
- Chi cục THADS TX. NB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Khải